

Ngày 11/08/2026



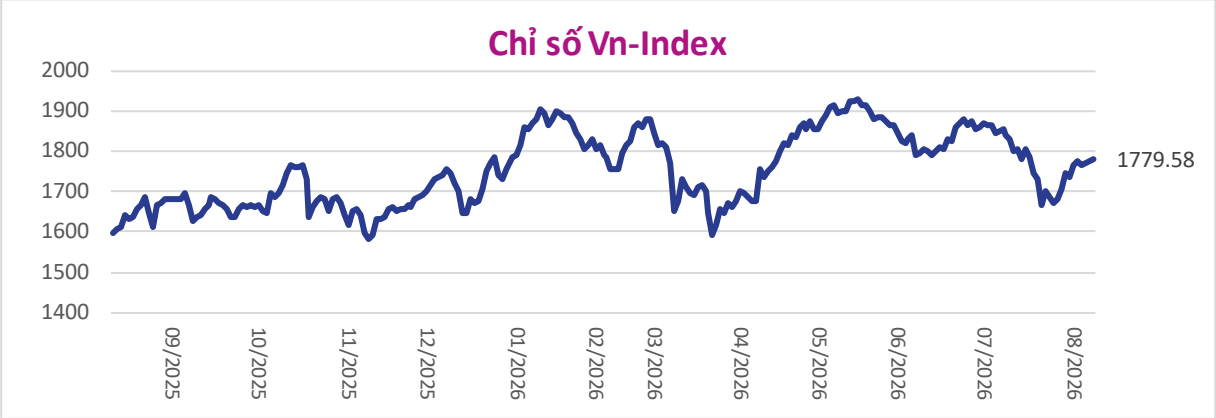
# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

GIỮA PHIÊN



## Tổng quan thị trường

1779.58 2.81 0.16%

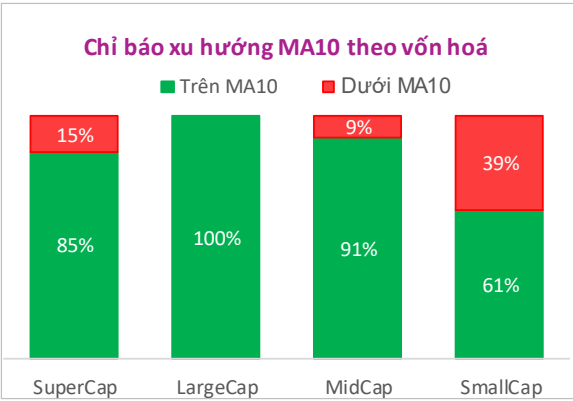


Phiên giao dịch sáng ngày 11/08/2026, chỉ số Vn-Index đang tăng nhẹ, tuy nhiên số lượng mã tăng giá không nhiều. So với phiên giao dịch ngày hôm trước, Vn-Index tăng 2,81 điểm, và đang vận động trên đường trung bình 10 ngày. Trong số các mã cổ phiếu trụ có vốn hoá lớn nhất trong Vn-Index, mã cổ phiếu đang có mức tăng giá mạnh là: MBB(+1,5%). Diễn biến của các chỉ báo dòng tiền cho thấy: Cả hai chỉ báo dòng tiền AccDist và OBV tiếp tục trong xu hướng tăng.

Trong tháng 8/2026, khối ngoại chuyển sang mua ròng cổ phiếu với tổng giá trị là 1,535 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối ngoại đã bán ròng với tổng giá trị là -90.688 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong những phiên giao dịch gần đây, khối ngoại đã có dấu hiệu chuyển sang bán ròng. Trong phiên giao dịch sáng nay, khối ngoại đang bán ròng -452 tỷ đồng.

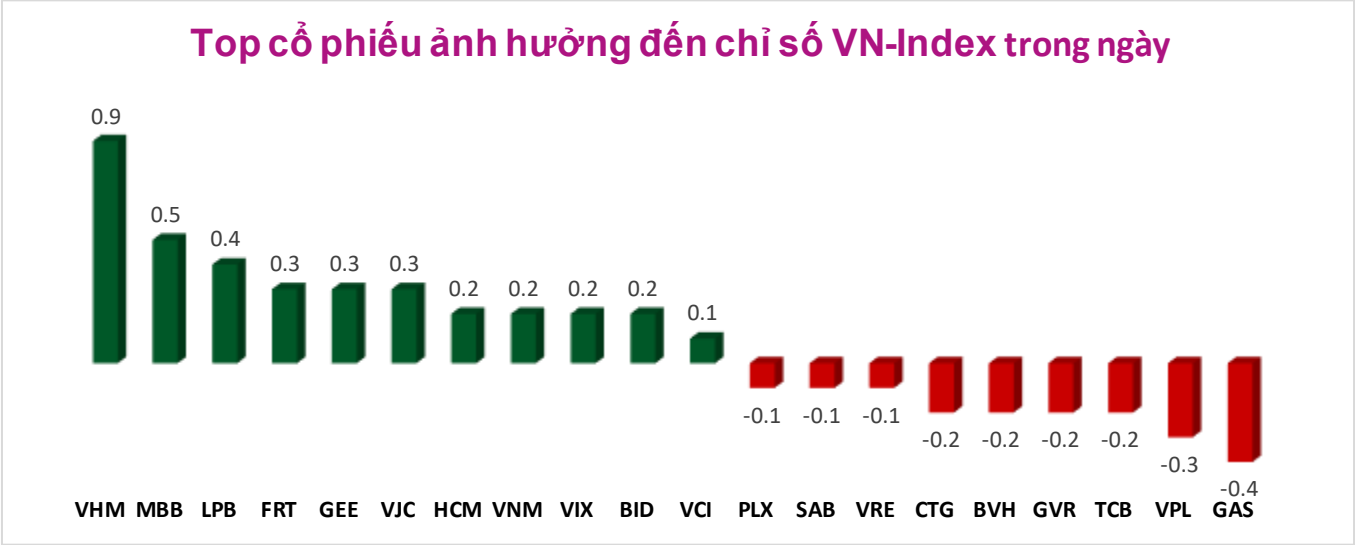
## Chỉ báo xu hướng ngắn hạn

| Chỉ báo xu hướng MA10 theo ngành |                |               |
|----------------------------------|----------------|---------------|
| Ngân hàng ↑                      | Bất động sản ↑ | Chứng khoán ↑ |
| Thép ↑                           | Phân bón ↑     | Công nghệ ↑   |
| Dầu khí ↑                        | Khu CN ↑       | Thủy sản ↑    |
| Bảo hiểm ↑                       | Xây dựng ↑     | Cảng biển ↑   |
| Mía đường                        | Bán lẻ ↑       | Dệt may ↑     |

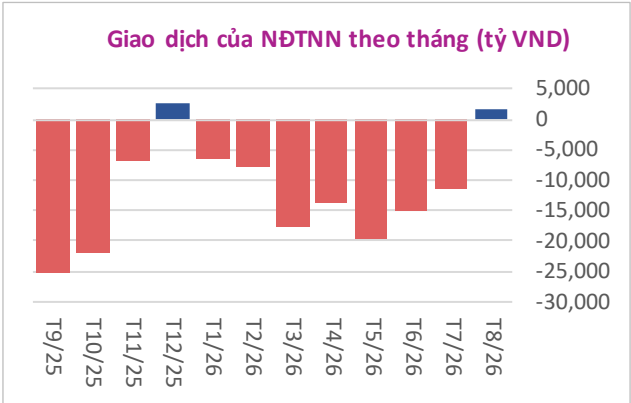
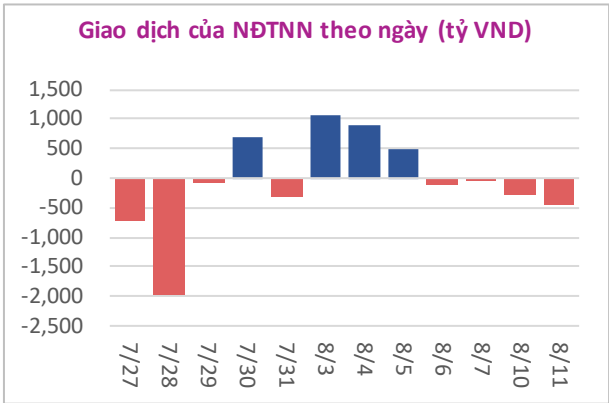


# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

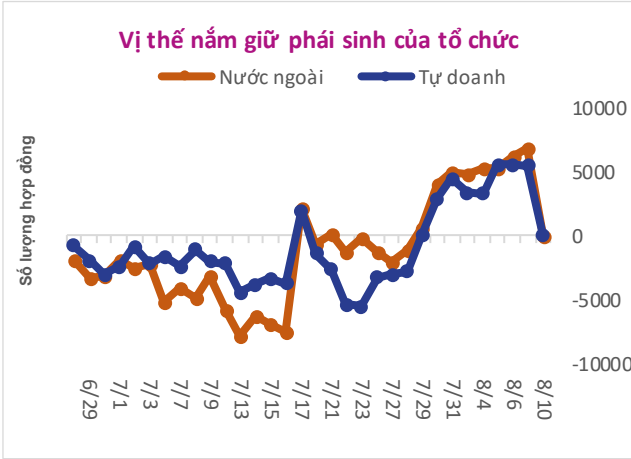
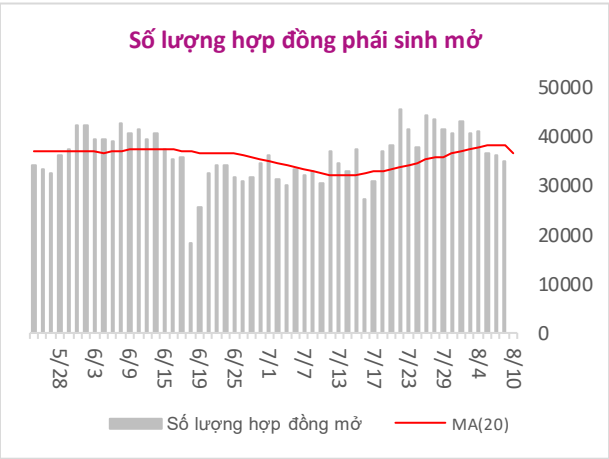
## Nhóm dẫn dắt thị trường



## Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài



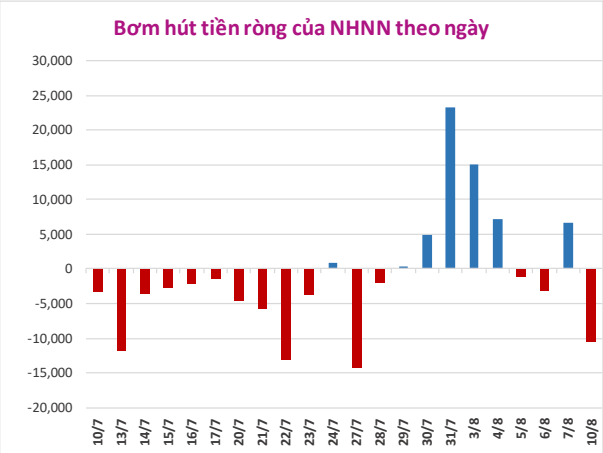
## Thị trường phái sinh VN30



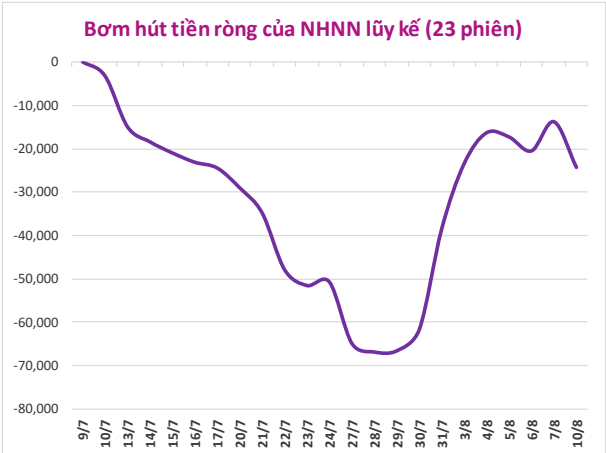
Ghi chú: số âm = hợp đồng short phái sinh

# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Bơm hút tiền ròng của NHNN theo ngày



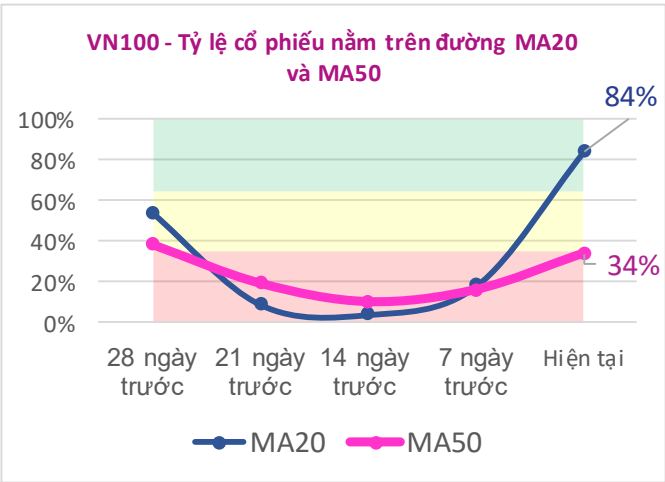
Bơm hút tiền ròng của NHNN lũy kế (23 phiên)



## Các mã cổ phiếu ảnh hưởng đến VnIndex 5 ngày gần nhất

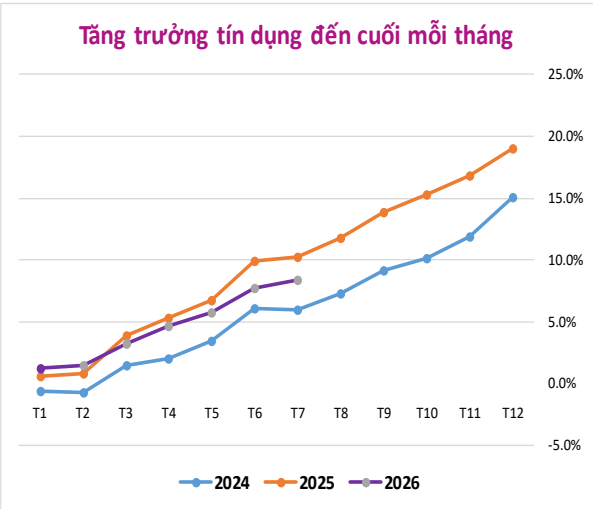
|             |            |            |            |            |
|-------------|------------|------------|------------|------------|
| VIC (+16.4) | VHM (+9.7) | VTP (+3.8) | DGC (+3.6) | CTR (+2.4) |
| VGC (+2.0)  | FRT (+1.9) | GMD (+1.8) | PNJ (+1.5) | CTD (-1.5) |
| TCB (-1.7)  | GVR (-2.1) | MSN (-2.2) | CTG (-2.2) | BID (-2.5) |
| LPB (-2.6)  | VNM (-2.6) | VCB (-2.7) | STB (-3.1) | BMP (-3.1) |

## Tỷ lệ cổ phiếu nằm trên đường MA20 và MA50

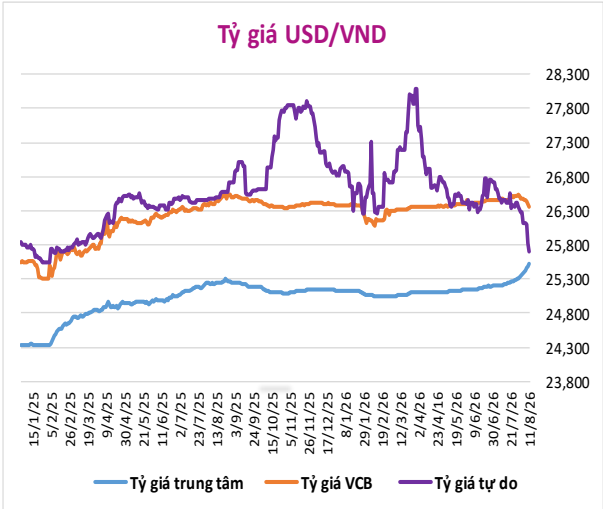


## Tăng trưởng tín dụng và tỷ giá

Tăng trưởng tín dụng đến cuối mỗi tháng



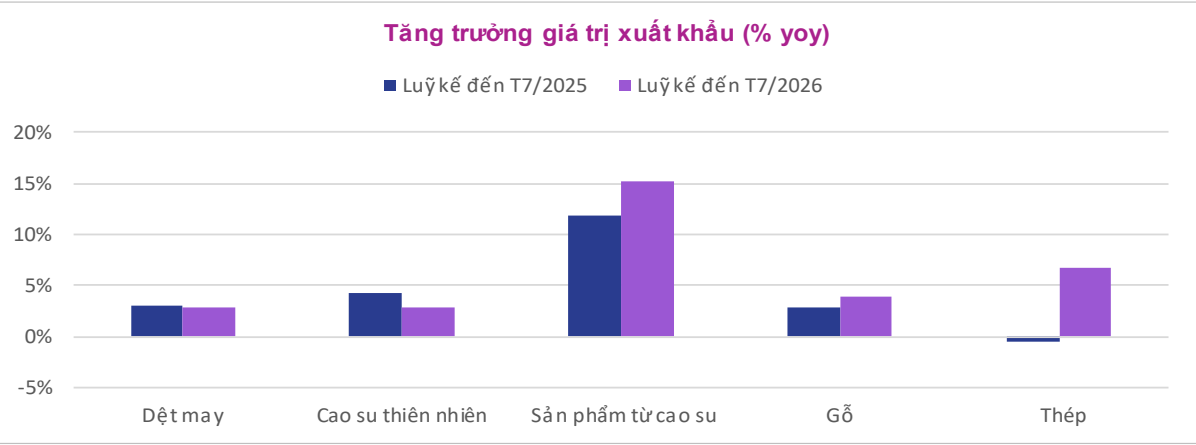
Tỷ giá USD/VND



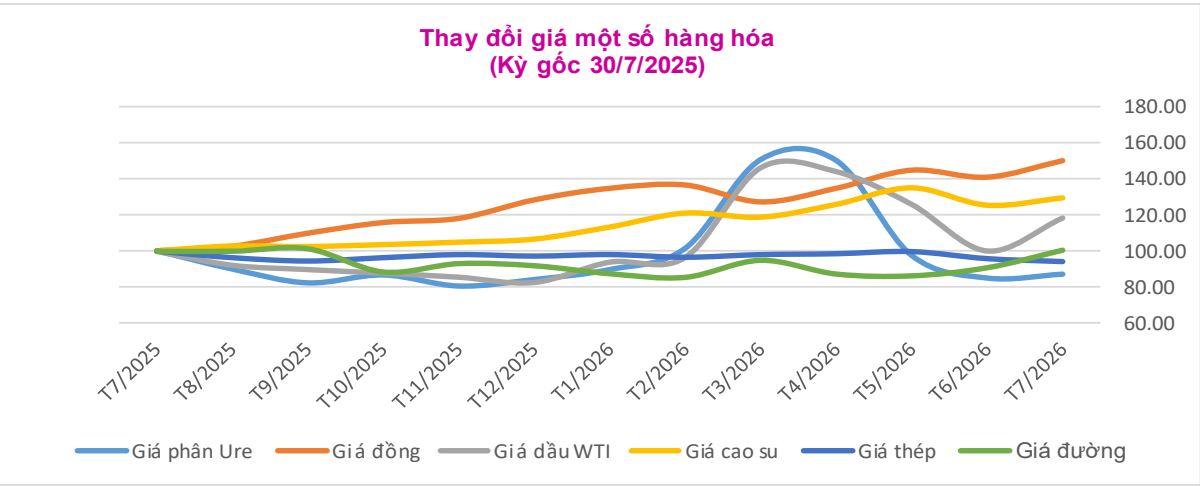
## Chỉ tiêu vĩ mô Việt Nam

| Chỉ tiêu                       | 05/2026 | 06/2026 | 07/2026 | Nhận xét                                                                                            |
|--------------------------------|---------|---------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chỉ số PMI                     | 52.8    | 51.8    | 52.9    | PMI duy trì tích cực trên 50 điểm, tháng 7 đạt mức cao nhất của năm tháng gần nhất                  |
| Sản xuất công nghiệp (YoY)     | 10.1%   | 12.7%   | 14.5%   | Duy trì tăng trưởng tích cực và ổn định trong nhiều tháng liên tiếp; tháng 7 đạt cao nhất sáu tháng |
| Tổng mức bán lẻ hàng hoá (YoY) | 11.8%   | 14.8%   | 14.5%   | Duy trì tăng trưởng ổn định nhiều tháng liên tiếp; tháng 7 tiếp tục tăng trưởng trên 14%            |
| Kim ngạch xuất khẩu (YoY)      | 18.0%   | 28.1%   | 25.5%   | Tiếp tục duy trì tăng trưởng ở mức cao                                                              |
| Kim ngạch nhập khẩu (YoY)      | 33.8%   | 45.7%   | 41.7%   | Duy trì tăng trưởng cao; tháng 7 tiếp tục trên 40%, nhưng nhập siêu tháng thứ tám liên tiếp         |
| Tỷ lệ lạm phát (YoY)           | 5.6%    | 4.7%    | 4.5%    | Lạm phát vẫn ở mức cao, nhưng tiếp tục có phần hạ nhiệt so với 4 tháng trước đó                     |
| Tỷ giá VCB USD/VND (MoM)       | 0.1%    | 0.3%    | 0.09%   | Tỷ giá ít biến động nhiều tháng gần đây                                                             |

## Tăng trưởng xuất khẩu một số ngành hàng



## Diễn biến giá một số loại hàng hoá



ĐIỂM TIN

TIN NỔI BẬT

**Mỹ triển khai 20 tàu chiến tới Trung Đông:** Mỹ vừa triển khai hơn 20 tàu chiến đến khu vực Trung Đông nhằm hỗ trợ các nhiệm vụ quân sự chiến lược, trọng tâm là thực thi lệnh phong tỏa nhằm vào Iran. Theo Bộ Tư lệnh Trung tâm Mỹ, quân đội nước này đã can thiệp vào tuyến giao thương khi chuyển hướng 55 tàu thương mại để đảm bảo tuân thủ lệnh cấm. Bên cạnh đó, hai tàu bị vô hiệu hóa và hai tàu khác bị lực lượng Mỹ trực tiếp lên kiểm tra. Động thái cứng rắn này diễn ra giữa bối cảnh căng thẳng leo thang gay gắt xung quanh an ninh hàng hải tại eo biển Hormuz. Iran kiên quyết tuyên bố tuyến hàng hải này chỉ mở lại nếu Mỹ chịu bồi thường, dỡ bỏ lệnh trừng phạt và ngừng đe dọa. (Nguồn: vtv.vn)



TIN QUỐC TẾ

**Ông Trump yêu cầu Iran bồi thường thiệt hại chiến tranh:** Tổng thống Mỹ Donald Trump vừa tuyên bố sẽ yêu cầu Iran bồi thường thiệt hại chiến tranh trong đàm phán. Động thái này nhằm đáp trả việc Tehran đòi Washington bồi thường tổn thất quân sự để mở lại eo biển Hormuz. Cụ thể, ông Trump đòi nước này chịu trách nhiệm thương vong của lính Mỹ trên tàu USS Cole năm 2000, mạng sống của 52.000 người trong năm tháng qua, và hàng trăm nghìn người biểu tình. Việc hai bên liên tục đưa ra yêu sách khổng lồ đang khiến triển vọng đạt thỏa thuận hòa bình trở nên vô cùng mờ mịt. Hiện tại, thị trường năng lượng toàn cầu đang bị ảnh hưởng nặng nề bởi bế tắc. (Nguồn: vnexpress.net)

**Mỹ biến đồng yen thành 'vũ khí địa chính trị': Thị trường tiền tệ toàn cầu đứng trước bước ngoặt lớn:** Động thái can thiệp tiền tệ chưa từng có của Mỹ nhằm nâng đỡ đồng yen Nhật Bản đang tạo ra bước ngoặt định hình lại hành vi của thị trường tiền tệ toàn cầu. Sự phối hợp này, được triển khai thông qua cặp tỷ giá chéo EUR/JPY, đánh dấu đợt can thiệp chung đầu tiên nhằm mua vào đồng yen giữa hai quốc gia kể từ năm 1998. Các chuyên gia nhận định Washington và Tokyo đã biến đồng yen thành một "vũ khí địa chính trị" rắn đe mạnh mẽ, cho thấy chính sách ngoại hối ngày càng gắn liền chặt chẽ với các ưu tiên chiến lược. Bước đi này thay đổi hoàn toàn tư duy của giới đầu tư, buộc họ phải cực kỳ thận trọng với các vị thế bán khống đồng yen và cân nhắc kỹ rủi ro trong giao dịch chênh lệch lãi suất. (Nguồn: vietnambiz.vn)

TIN THỊ TRƯỜNG

**Thị trường chứng khoán Mỹ** vừa ghi nhận một phiên giao dịch âm ảm khi cả ba chỉ số chính đều chìm trong sắc đỏ, phản ánh tâm lý thận trọng của giới đầu tư. Cụ thể, chỉ số công nghiệp Dow Jones đã đóng cửa với mức giảm nhẹ 60,95 điểm, tương đương 0,11%, lùi về mốc 53.975,98 điểm. Tương tự, chỉ số thị trường rộng S&P 500 cũng không thể tránh khỏi xu hướng tiêu cực khi跌 mất 4,53 điểm, tức giảm 0,06%, chốt phiên ở mức 7.753,11 điểm. Đáng chú ý nhất là chỉ số công nghệ Nasdaq ghi nhận mức giảm sâu nhất trong cả ba, khi bị mất đi 85,26 điểm, tương đương 0,32%, lùi xuống mức 26.605,36 điểm. Sự sụt giảm đồng loạt này cho thấy thị trường đang thiếu động lực tăng. (Nguồn: VIX tổng hợp)

**Thị trường dầu mỏ thế giới** chứng kiến sự khởi sắc mạnh mẽ của giá năng lượng toàn cầu. Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI đã tăng vọt lên mức 82,14 USD/thùng, trong khi dầu Brent cũng nhích lên sát ngưỡng 87,88 USD/thùng. Sự leo thang này phần lớn xuất phát từ những lo ngại về nguy cơ đứt gãy nguồn cung, khi cả Mỹ và Iran đều đưa ra các yêu cầu bồi thường, làm mờ đi triển vọng mở lại eo biển Hormuz. Tại Việt Nam, giá bán lẻ vẫn duy trì ổn định chờ kỳ điều hành ngày mười ba, với xăng E5 RON 92 ở mức 21.720 đồng/lít và RON 95-III là 22.320 đồng/lít. (Nguồn: VIX tổng hợp)

**Thị trường vàng thế giới** ghi nhận mức giá neo ở ngưỡng rất cao. Trên thị trường thế giới, giá vàng giao ngay đang dao động quanh mốc 4.390 USD/ounce, khẳng định sức hấp dẫn mạnh mẽ của kênh trú ẩn an toàn này đối với các nhà đầu tư quốc tế. Cùng chiều với diễn biến toàn cầu, giá vàng miếng SJC trong nước cũng duy trì mức giao dịch ấn tượng. Cụ thể, các thương hiệu lớn như SJC, DOJI và Phú Quý đồng loạt niêm yết giá mua vào ở mức 141,1 triệu đồng/lượng và bán ra ở mức 144,1 triệu đồng/lượng. Khoảng chênh lệch 3 triệu đồng giữa chiều mua và bán phản ánh sự thận trọng của các doanh nghiệp kinh doanh vàng trước biến động khó lường. Tóm lại, đà tăng của giá vàng thế giới đang tiếp tục hỗ trợ tích cực cho thị trường trong nước. (Nguồn: VIX tổng hợp)

| CHỈ SỐ        | ĐIỂM     | +/-    | +/- (%) |
|---------------|----------|--------|---------|
| Dow Jones     | 53975.98 | -60.95 | -0.11   |
| S&P 500       | 7753.11  | -4.53  | -0.06   |
| Nasdaq        | 26605.36 | -85.26 | -0.32   |
| FTSE100       | 10862.50 | -38.59 | -0.35   |
| Euro Stoxx 50 | 6533.70  | 9.84   | 0.15    |
| DAX           | 26323.88 | 4.43   | 0.02    |
| Nikkei 225    | 66970.22 | 793.22 | 1.20    |
| Shanghai      | 3966.56  | 26.52  | 0.67    |
| KOSPI         | 6299.66  | 40.89  | 0.65    |

TIN TRONG NƯỚC

**Ngân hàng Nhà nước yêu cầu ưu đãi lãi suất ít nhất 1%/năm cho SME, lĩnh vực ưu tiên:** Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tất cả ngân hàng thương mại sớm triển khai chương trình tín dụng ưu đãi trong tháng tám để hỗ trợ nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng các lĩnh vực ưu tiên. Theo đó, mức lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam sẽ phải thấp hơn tối thiểu 1%/năm so với mức lãi suất bình quân cùng kỳ hạn của chính tổ chức tín dụng đó. Đối tượng thụ hưởng bao gồm các doanh nghiệp hoạt động trong ngành nông nghiệp, công nghệ cao, xuất khẩu, kinh tế số, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp bán dẫn và các dự án xanh. Bên cạnh việc giảm lãi suất, các ngân hàng còn được khuyến khích chủ động miễn giảm thêm phí dịch vụ. Bốn ngân hàng nhà nước sẽ đi tiên phong. (Nguồn: vneconomy.vn)

**Ngân hàng 'khát' vốn:** Ngành ngân hàng Việt Nam hiện đang đối mặt với tình trạng khát vốn nghiêm trọng khi áp lực huy động tiền gửi đè nặng lên vai của từng cán bộ tín dụng. Cuộc đua tranh giành nguồn tiền nhàn rỗi giữa các nhà băng diễn ra vô cùng khốc liệt trong nửa đầu năm nay, kéo theo việc lãi suất liên tục được đẩy lên cao. Nguyên nhân cốt lõi là do sự chênh lệch lớn giữa tốc độ tăng trưởng tín dụng và khả năng huy động vốn, với khoảng cách đã bị nới rộng lên mức gần hai triệu tỷ đồng. Tình trạng này khiến tỷ lệ cho vay trên tổng tiền gửi của toàn hệ thống bị đẩy lên mốc 110%, chính thức xác lập mức đỉnh trong tám năm qua. (Nguồn: vnexpress.net)

# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

## Danh mục theo dõi trung hạn

| STT | Mã  | Ngành           | Chỉ số cơ bản |             |            |            |                       |                       | Chỉ số định giá |        |      |         | Giá thị trường (11/8/26) |
|-----|-----|-----------------|---------------|-------------|------------|------------|-----------------------|-----------------------|-----------------|--------|------|---------|--------------------------|
|     |     |                 | % LNST        | % LNST      | Biên lợi   | Biên lợi   | ROE Chỉ số            | ROA Chỉ số            | Book Value      | EPS    | P/B  | P/E     |                          |
|     |     |                 | Q1/26 (YoY)   | Q2/26 (YoY) | ròng Q1/26 | ròng Q2/26 | (TTM) Năm: 2025 (TTM) | (TTM) Năm: 2026 (TTM) |                 |        |      |         |                          |
| 1   | ACB | Ngân hàng       | 10.6%         | -38.7%      | 51.1%      | 33.9%      | 17.6%                 | 1.7%                  | 18,401          | 3,042  | 1.23 | 7.4     | 22,650                   |
| 2   | ANV | Thủy sản        | 915.5%        | 4610.8%     | 14.2%      | 11.9%      | 31.6%                 | 18.7%                 | 13,226          | 3,748  | 1.33 | 4.7     | 17,650                   |
| 3   | BFC | Phân bón        | 14.0%         | -29.9%      | 3.6%       | 2.8%       | 19.3%                 | 8.6%                  | 29,657          | 7,003  | 1.66 | 7.0     | 49,200                   |
| 4   | BID | Ngân hàng       | 16.7%         | 45.3%       | 28.8%      | 38.2%      | 18.8%                 | 1.0%                  | 24,726          | 4,342  | 1.60 | 9.1     | 39,600                   |
| 5   | BMP | VLXD            | 21.0%         | 13.2%       | 22.9%      | 20.3%      | 44.0%                 | 37.4%                 | 35,151          | 15,010 | 4.26 | 10.0    | 149,800                  |
| 6   | BSR | Dầu khí         | 175.1%        | 3739.7%     | 2.6%       | 8.1%       | 8.9%                  | 6.0%                  | 12,079          | 1,036  | 2.20 | 25.6    | 26,550                   |
| 7   | CTD | Xây dựng        | 217.2%        | 117.8%      | 4.0%       | 2.3%       | 8.6%                  | 2.5%                  | 90,563          | 7,540  | 0.69 | 8.3     | 62,900                   |
| 8   | CTG | Ngân hàng       | 63.9%         | 12.3%       | 37.8%      | 47.4%      | 21.1%                 | 1.3%                  | 23,129          | 4,488  | 1.41 | 7.3     | 32,650                   |
| 9   | CTR | Xây dựng        | 15.5%         | 8.8%        | 4.3%       | 4.1%       | 30.5%                 | 7.8%                  | 18,086          | 5,242  | 4.18 | 14.4    | 75,600                   |
| 10  | DCM | Phân bón        | 171.9%        | 16.6%       | 11.0%      | 10.3%      | 18.7%                 | 11.7%                 | 20,390          | 3,706  | 1.56 | 8.6     | 31,750                   |
| 11  | DGW | Bán lẻ          | 39.2%         | 10.3%       | 2.3%       | 2.0%       | 16.9%                 | 5.5%                  | 15,690          | 2,508  | 2.64 | 16.5    | 41,400                   |
| 12  | DHA | Khai thác đá    | 111.3%        | 146.3%      | 32.8%      | 18.4%      | 24.0%                 | 21.7%                 | 32,319          | 7,258  | 1.50 | 6.7     | 48,550                   |
| 13  | FOX | Viễn thông      | 26.2%         | 22.8%       | 18.4%      | 17.3%      | 31.2%                 | 13.7%                 | 15,202          | 4,719  | 4.39 | 14.2    | 66,800                   |
| 14  | FPT | Phần mềm        | 17.1%         | 19.5%       | 16.9%      | 14.8%      | 23.6%                 | 11.7%                 | 25,683          | 6,590  | 2.81 | 10.9    | 72,100                   |
| 15  | GAS | Dầu khí         | 1.3%          | -32.4%      | 7.3%       | 3.2%       | 17.7%                 | 13.0%                 | 28,038          | 4,796  | 2.82 | 16.5    | 79,100                   |
| 16  | GEG | Điện            | 267.5%        | 676.3%      | 11.9%      | 16.3%      | 11.5%                 | 4.6%                  | 15,665          | 2,282  | 0.79 | 5.4     | 12,300                   |
| 17  | GMD | Dịch vụ         | -3.6%         | 76.4%       | 27.7%      | 40.9%      | 11.7%                 | 8.9%                  | 34,842          | 5,162  | 2.24 | 15.15   | 78,200                   |
| 18  | HAG | Nông nghiệp     | 23.1%         | 345.5%      | 22.8%      | 50.7%      | 18.1%                 | 8.6%                  | 11,191          | 1,762  | 1.28 | 8.14    | 14,350                   |
| 19  | HDG | Bất động sản    | 85.0%         | 482.5%      | 47.2%      | 42.2%      | 9.0%                  | 4.9%                  | 22,644          | 2,570  | 0.75 | 6.59    | 16,950                   |
| 20  | HHV | Xây dựng        | 23.3%         | 58.1%       | 16.7%      | 16.7%      | 5.1%                  | 1.5%                  | 24,481          | 1,364  | 0.42 | 7.51    | 10,250                   |
| 21  | HPG | Thép            | 32.8%         | 38.4%       | 11.0%      | 8.4%       | 12.6%                 | 6.4%                  | 17,096          | 2,021  | 1.29 | 10.93   | 22,100                   |
| 22  | HT1 | Xi măng         | 278.5%        | 413.6%      | 4.6%       | 4.3%       | 5.5%                  | 3.5%                  | 13,336          | 718    | 1.00 | 18.53   | 13,300                   |
| 23  | KBC | Bất động sản    | 54.8%         | 2477.5%     | 23.2%      | 40.3%      | 9.1%                  | 3.8%                  | 28,399          | 2,365  | 1.00 | 12.01   | 28,400                   |
| 24  | KDH | Bất động sản    | 692.5%        | 101.7%      | 47.9%      | 43.7%      | 5.2%                  | 3.2%                  | 18,865          | 1,456  | 0.97 | 12.57   | 18,300                   |
| 25  | LCG | Xây dựng        | 9.6%          | 130.2%      | 7.1%       | 4.7%       | 5.7%                  | 2.2%                  | 13,112          | 723    | 0.56 | 10.15   | 7,340                    |
| 26  | MCH | Thực phẩm       | -18.9%        | -11.1%      | 22.6%      | 22.7%      | 44.5%                 | 21.6%                 | 17,480          | 6,336  | 7.75 | 21.39   | 135,500                  |
| 27  | MML | Thực Phẩm       | 419.5%        | 79.6%       | 4.3%       | 6.3%       | 11.6%                 | 5.0%                  | 15,282          | 1,819  | 1.83 | 15.39   | 28,000                   |
| 28  | MSH | Hàng May mặc    | 54.2%         | 17.4%       | 12.2%      | 14.6%      | 28.7%                 | 13.3%                 | 19,626          | 5,962  | 1.61 | 5.29    | 31,550                   |
| 29  | MSN | Thực phẩm       | 43.4%         | 48.4%       | 8.8%       | 9.9%       | 9.6%                  | 3.0%                  | 29,647          | 4,448  | 2.29 | 15.24   | 67,800                   |
| 30  | MSR | Khai khoáng     | 101.5%        | 207.9%      | 0.3%       | 9.3%       | 0.1%                  | 0.0%                  | 11,076          | 10     | 3.58 | 3866.41 | 39,700                   |
| 31  | MWG | Bán lẻ          | 121.4%        | 144.9%      | 4.5%       | 4.9%       | 23.0%                 | 9.1%                  | 22,575          | 4,814  | 3.23 | 15.16   | 73,000                   |
| 32  | NAF | Nước trái cây   | 55.8%         | 26.3%       | 7.0%       | 7.6%       | 16.5%                 | 6.7%                  | 11,491          | 2,140  | 4.19 | 22.50   | 48,150                   |
| 33  | NLG | Bất động sản    | 679.5%        | -62.1%      | 12.5%      | 29.6%      | 4.8%                  | 2.5%                  | 30,559          | 1,951  | 0.75 | 11.74   | 22,900                   |
| 34  | NT2 | Điện            | 383.5%        | 641.4%      | 11.1%      | 21.9%      | 25.0%                 | 12.6%                 | 16,880          | 3,926  | 1.28 | 5.50    | 21,600                   |
| 35  | NTP | VLXD            | 49.9%         | -6.3%       | 16.0%      | 10.8%      | 25.1%                 | 14.8%                 | 24,742          | 5,805  | 1.98 | 8.46    | 49,100                   |
| 36  | PLX | Dầu khí         | 441.0%        | 14.2%       | 0.8%       | 0.9%       | 9.2%                  | 3.2%                  | 22,781          | 2,305  | 1.62 | 16.05   | 37,000                   |
| 37  | POW | Điện            | 109.2%        | 585.3%      | 12.1%      | 7.9%       | 6.5%                  | 2.8%                  | 13,307          | 1,019  | 1.03 | 13.49   | 13,750                   |
| 38  | PVS | Dầu khí         | 73.3%         | 73.5%       | 3.5%       | 9.9%       | 11.8%                 | 5.0%                  | 31,694          | 3,722  | 1.12 | 9.51    | 35,400                   |
| 39  | QNS | Đường           | -28.4%        | -2.8%       | 14.2%      | 22.4%      | 18.6%                 | 13.6%                 | 28,956          | 5,231  | 1.62 | 8.95    | 46,800                   |
| 40  | SBT | Đường           | -13.0%        | -19.2%      | 3.7%       | 2.8%       | 6.7%                  | 2.2%                  | 13,938          | 866    | 1.53 | 24.59   | 21,300                   |
| 41  | SHB | Ngân hàng       | 49.8%         | 8.3%        | 40.7%      | 39.0%      | 19.1%                 | 1.5%                  | 14,800          | 2,605  | 0.81 | 4.61    | 12,000                   |
| 42  | SIP | Bất động sản    | 21.7%         | 6.3%        | 17.1%      | 17.4%      | 25.3%                 | 5.0%                  | 24,181          | 6,303  | 2.11 | 8.11    | 51,100                   |
| 43  | STB | Ngân hàng       | 31.8%         | -176.5%     | 33.0%      | -35.8%     | 10.3%                 | 0.7%                  | 31,756          | 3,150  | 2.35 | 23.71   | 74,700                   |
| 44  | TCB | Ngân hàng       | 14.2%         | 104.1%      | 46.4%      | 47.2%      | 15.4%                 | 2.3%                  | 25,331          | 3,663  | 1.23 | 8.53    | 31,250                   |
| 45  | TCM | Hàng May mặc    | -21.4%        | -24.2%      | 7.1%       | 5.4%       | 11.4%                 | 6.7%                  | 21,823          | 2,419  | 0.76 | 6.84    | 16,550                   |
| 46  | TRC | Cao su          | 60.4%         | -68.8%      | 49.0%      | 15.2%      | 13.1%                 | 11.5%                 | 69,312          | 8,669  | 1.14 | 9.09    | 78,800                   |
| 47  | VCB | Ngân hàng       | 5.3%          | 0.7%        | 50.0%      | 45.0%      | 16.6%                 | 1.6%                  | 27,231          | 4,213  | 2.21 | 14.31   | 60,300                   |
| 48  | VGX | Hàng May mặc    | 56.0%         | 57.7%       | 7.1%       | 8.4%       | 9.1%                  | 4.4%                  | 20,090          | 2,666  | 0.57 | 4.28    | 11,400                   |
| 49  | VHC | Thủy sản        | 33.5%         | -43.4%      | 13.1%      | 9.0%       | 14.4%                 | 10.6%                 | 44,495          | 6,465  | 1.18 | 8.11    | 52,400                   |
| 50  | VJC | Hàng không      | -43.9%        | 43618.4%    | 1.9%       | 1.7%       | 10.1%                 | 1.8%                  | 42,005          | 3,589  | 3.03 | 35.47   | 127,300                  |
| 51  | VNM | Sản phẩm từ sữa | 4.5%          | 31.7%       | 14.8%      | 16.6%      | 26.6%                 | 17.4%                 | 16,499          | 4,504  | 3.79 | 13.90   | 62,600                   |
| 52  | VPB | Ngân hàng       | 76.8%         | 61.1%       | 36.6%      | 36.2%      | 14.6%                 | 2.2%                  | 22,722          | 3,070  | 1.14 | 8.40    | 25,800                   |
| 53  | VTP | Vận tải         | -20.2%        | 17.3%       | 1.7%       | 2.6%       | 24.1%                 | 5.8%                  | 14,519          | 3,348  | 3.62 | 15.68   | 52,500                   |

# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

## Cập nhật giá hàng hoá

| Chỉ số                              | Giá            | +/- 15 ngày | +/- 30 ngày | +/- Định 1 tháng | +/- Đáy 1 tháng |
|-------------------------------------|----------------|-------------|-------------|------------------|-----------------|
| BTC                                 | 63925.74(-954) | -2,511      | +5,128      | -2,511           | +5,128          |
| Giá dầu WTI                         | 82.13(+4)      | -2          | +13         | -10              | +14             |
| Giá gas châu Âu                     | 61.54(+5)      | +1          | +18         | -1               | +18             |
| Giá vàng                            | 4391.34(+48)   | +314        | +384        | 0                | +415            |
| Giá đồng                            | 6.59(+0)       | +0          | +0          | -0               | +1              |
| Giá đường                           | 16.47(+0)      | +2          | +2          | 0                | +2              |
| Giá phân Ure                        | 400(0)         | -30         | +10         | -52              | +38             |
| Giá thép                            | 2995(-15)      | -84         | -54         | -136             | +42             |
| Giá quặng sắt (62%Fe)               | 94.55(+0)      | -4          | -6          | -6               | +1              |
| Giá than                            | 129(+1)        | -2          | -1          | -5               | +1              |
| Giá đậu tương                       | 1157.75(+1)    | -62         | +41         | -89              | +41             |
| Giá ngô                             | 438.25(-1)     | -15         | +26         | -26              | +26             |
| Giá nhựa Polyvinyl                  | 4502(-37)      | -90         | +69         | -142             | +86             |
| Giá cước vận tải khô BDI            | 3083(-6)       | +413        | +582        | -6               | +582            |
| Giá cước vận tải container (Drewry) | 4297(0)        | -250        | +131        | -342             | +131            |
| DXY                                 | 99.74(+0)      | -1          | -2          | -2               | +0              |
| Giá cao su                          | 218.8(0)       | +1          | +7          | -6               | +10             |
| Phốt pho vàng                       | 27896(+333)    | +1,133      | -1,567      | -1,567           | +1,733          |
| Ure(Sunsir)                         | 1735(-16)      | -30         | -79         | -79              | 0               |
| H2SO4                               | 1880(0)        | -233        | -233        | -233             | 0               |
| HRC(Sunsir)                         | 3248(-4)       | -64         | -86         | -94              | +28             |
| Iron Ore (Sunsir)                   | 693.44(-5)     | -21         | -29         | -33              | +14             |
| Cao su thiên nhiên (Sunsir)         | 16900(0)       | +142        | +75         | -208             | +508            |
| PVC(Sunsir)                         | 4430(-15)      | -54         | +90         | -155             | +165            |
| Rebar                               | 3019(-10)      | -69         | -100        | -100             | +17             |
| Cautic soda                         | 639(-2)        | -4          | -30         | -30              | 0               |

## Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX (“VIX”). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.